

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

## **ĐIỀU LỆ**

### **TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ**

Quảng Trị, Tháng 9 năm 2015



MUC LUC

PHẦN MỞ ĐẦU.....	3
CHƯƠNG I: ĐIỀU KHOẢN CHUNG.....	4
Điều 1. Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ.....	4
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện.....	4
Điều 3. Con dấu của công ty.....	5
Điều 4. Người đại diện theo pháp luật của công ty.....	5
Điều 5. Các tổ chức chính trị - xã hội trong công ty.....	5
CHƯƠNG II: MỤC TIÊU - PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	6
Điều 6. Mục tiêu hoạt động.....	6
Điều 7. Phạm vi kinh doanh.....	6
CHƯƠNG III: VỐN ĐIỀU LỆ - CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU - CỔ ĐÔNG.....	7
Điều 8. Vốn điều lệ.....	7
Điều 9. Cổ phần.....	7
Điều 10. Cổ phiếu.....	7
Điều 11. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	8
Điều 12. Chào bán cổ phần.....	8
Điều 13. Chuyển nhượng cổ phần.....	9
Điều 14. Thừa kế cổ phần.....	10
Điều 15. Cổ đông.....	10
Điều 16. Quyền của cổ đông phổ thông.....	11
Điều 17. Nghĩa vụ của cổ đông.....	12
Điều 18. Sổ đăng ký cổ đông.....	12
CHƯƠNG IV: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ, KIỂM SOÁT VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	13
Điều 19. Cơ cấu, sơ đồ tổ chức quản lý.....	13
Điều 20. Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 21. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng Cổ đông.....	14
Điều 22. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông của Cổ đông và Đại diện được uỷ quyền.....	15
Điều 23. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 24. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 25. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 26. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 27. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 28. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 29. Hội đồng quản trị.....	20
Điều 30. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.....	21
Điều 31. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị.....	21
Điều 32. Chủ tịch, Ủy viên thường trực Hội đồng quản trị.....	23
Điều 33. Các cuộc họp Hội đồng quản trị.....	24
Điều 34. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.....	26
Điều 35. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.....	26
Điều 36. Tổ chức bộ máy quản lý Công ty.....	27
Điều 37. Giám đốc điều hành công ty.....	27

## ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

Điều 38. Cán bộ quản lý .....	29
Điều 39. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty.....	29
Điều 40. Ban thư ký Công ty.....	30
Điều 41. Trách nhiệm cân trọng, trung thực và phòng ngừa các xung đột về quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý trong công ty.....	30
Điều 42. Công khai các lợi ích liên quan.....	30
Điều 43. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận.....	31
Điều 44. Ban kiểm soát.....	32
Điều 45. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.....	32
Điều 46. Nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát .....	33
Điều 47. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.....	33
Điều 48. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Ban kiểm soát.....	34
CHƯƠNG V: LAO ĐỘNG .....	35
Điều 49. Quyền của người lao động trong Công ty.....	35
Điều 50. Nghĩa vụ của người lao động.....	35
CHƯƠNG VI: KẾ TOÁN TÀI CHÍNH CÔNG TY.....	36
Điều 51. Năm tài khóa.....	36
Điều 52. Hệ thống kế toán .....	36
Điều 53. Trích lập các quỹ.....	36
Điều 54. Báo cáo hàng năm .....	36
Điều 55. Trả cổ tức .....	36
CHƯƠNG VII: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	38
Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	38
CHƯƠNG VIII: CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC.....	39
Điều 57. Tiếp nhận và công bố thông tin.....	39
Điều 58. Kế thừa.....	39
Điều 59. Giải thể, phá sản Công ty.....	39
Điều 60. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ .....	39
Điều 61. Ngày hiệu lực.....	39
Điều 62. Điều khoản cuối cùng.....	39

**PHẦN MỞ ĐẦU**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày .../.../2015 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt Phương án và chuyển Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị thành Công ty cổ phần.

Điều lệ này được Công ty cổ phần nước sạch Quảng Trị thông qua họp lệ tại Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần nước sạch Quảng Trị vào ngày ...../...../2015

Các phụ lục của Điều lệ này và các văn bản sửa đổi Điều lệ là một phần không thể tách rời của Điều lệ. Điều lệ này và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Ngôn ngữ được sử dụng trong Điều lệ này và các văn bản, tài liệu, hồ sơ có liên quan khác của Công ty là tiếng Việt. Các chỉ dẫn về thời gian trong nội dung của Điều lệ này nếu không có cụm từ “ngày làm việc” thì được hiểu là số ngày liên tục bao gồm cả ngày thứ bảy, chủ nhật và không bao gồm các ngày nghỉ Lễ, Tết theo quy định hiện hành.

Bản Điều lệ này cùng với các quy định của hệ thống pháp luật Nhà nước sẽ chi phối toàn bộ hoạt động của Công ty.

**CHƯƠNG I**  
**ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

**Điều 1. Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ**

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

1.1. “Vốn điều lệ” là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 6 của Điều lệ này.

1.2. “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Nước CHXHCN Việt Nam.

1.3. “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

1.4. “Người quản lý Công ty” là thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty và người quản lý khác trong công ty khi được ủy quyền.

1.5. “Cổ đông” là tổ chức, cá nhân có tên trong sổ Đăng ký cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu ít nhất một (01) cổ phần của Công ty.

1.6. “Cổ đông phổ thông” là tổ chức, cá nhân sở hữu cổ phần phổ thông

1.7. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Điều 4.17 của Luật Doanh nghiệp.

1.8. “Người đại diện theo uỷ quyền” là cá nhân được cổ đông uỷ quyền bằng văn bản thực hiện các quyền của mình tại Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

1.9. “Việt Nam” là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

**Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện**

1. Tên Công ty.

1.1. Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

Tên tiếng Việt viết tắt: CÔNG TY NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

1.2. Tên tiếng Anh: QUANG TRI CLEAN WATER JOINT STOCK COMPANY

1.3. Tên Tiếng Anh viết tắt: QTWACO

Trong phạm vi điều lệ này, tên công ty được viết là “Công ty”

2. Hình thức công ty là: Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Trãi, Phường 1, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.

- Điện thoại: (053) 3 555869 / 3 554133      - Fax: (053) 3 852062

- Email: capnuocquangtri@yahoo.com.vn      - Website: www.capnuocquangtri.vn

Việc thay đổi trụ sở đi nơi khác (nếu có) sẽ do Đại Hội đồng cổ đông quyết định.

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc liên doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Thời hạn hoạt động của Công ty được tính từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và là vô thời hạn. Việc chấm dứt hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định hoặc theo quy định của pháp luật.

**Điều 3. Con dấu của công ty**

1. Công ty chỉ có một (01) Con dấu được khắc, quản lý, sử dụng theo quy định của luật pháp. Hình thức Con dấu công ty được thể hiện là hình tròn, sử dụng mực màu đỏ. Nội dung con dấu Công ty thể hiện những thông tin sau đây: a) Tên doanh nghiệp; b) Mã số doanh nghiệp; c) Tên tỉnh, TP nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính (tỉnh Quảng Trị).
2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty quản lý, sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty**

1. Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.
2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm:
  - 2.1. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp;
  - 2.2. Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - 2.3. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về việc mình và người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác.
3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều này.

**Điều 5. Các tổ chức chính trị - xã hội trong công ty**

1. Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn thanh niên và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty được thành lập và hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, Pháp luật và Điều lệ hoạt động của các tổ chức đó phù hợp với quy định của Pháp luật.
2. Công ty tôn trọng, tạo điều kiện để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức chính trị - xã hội theo quy định tại khoản 1 Điều này.
3. Mọi quan hệ của Công ty với các tổ chức chính trị - xã hội do Giám đốc công ty phối hợp với các tổ chức xây dựng để Hội đồng quản trị thông qua về Quy chế phối hợp giữa Hội đồng quản trị và những người quản lý công ty với Đảng ủy, BCH Công đoàn và các tổ chức khác trong Công ty theo các chuẩn mực, thông lệ và cơ chế quản lý tốt nhất theo điều lệ của tổ chức đó, điều lệ Công ty và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.
4. Đảng ủy lãnh đạo Công ty thông qua công tác đảng viên và việc giới thiệu cán bộ để bầu vào các vị trí trong Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và cơ quan lãnh đạo của các tổ chức chính trị - xã hội khác.

**CHƯƠNG II**

**MỤC TIÊU - PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**Điều 6. Mục tiêu hoạt động**

- 3.1. Vì sức khỏe cộng đồng; vì sự thỏa mãn của khách hàng và Văn hóa doanh nghiệp.
- 3.2. Vì lợi nhuận của doanh nghiệp và cổ tức của cổ đông.
- 3.3. Xây dựng Công ty phát triển gắn liền với việc làm và nâng cao thu nhập của người lao động.

**Điều 7. Phạm vi kinh doanh**

- 4.1. Ngành nghề kinh doanh chính:
  - 4.1.1. Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch đô thị, nông thôn, khu kinh tế, khu công nghiệp và các hoạt động phát triển kinh tế xã hội khác.
  - 4.1.2. Hoạt động kiến trúc và Tư vấn lập dự án đầu tư; tư vấn thiết kế kỹ thuật; tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật cấp, thoát nước và xây dựng.
  - 4.1.3. Thi công xây dựng, lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; lắp đặt thiết bị công nghệ cho các công trình cấp thoát nước, xử lý nước thải.
  - 4.1.4. Xây dựng các công trình dân dụng.
  - 4.1.5. Xây dựng các công trình giao thông.
  - 4.1.6. Xây dựng các công trình công nghiệp.
  - 4.1.7. Kiểm tra, phân tích kỹ thuật và kiểm định đồng hồ đo nước lạnh.
  - 4.1.8. Sản xuất cấu kiện kim loại, các loại vật tư, thiết bị công nghệ chuyên ngành cấp thoát nước và xây dựng.
  - 4.1.9. Kinh doanh các loại vật tư, thiết bị công nghệ chuyên ngành cấp thoát nước và xây dựng.
- 4.2. Công ty lập kế hoạch và tiến hành mọi hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực mà pháp luật không cấm và được Hội đồng quản trị phê chuẩn.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại Phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí nào khác.

5. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong một chứng chỉ cổ phiếu, chứng chỉ cũ sẽ bị huỷ bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại và chứng chỉ cổ phiếu mới sẽ được cấp miễn phí.

6. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.

7. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại chứng chỉ cổ phiếu mới theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải có cam đoan về các nội dung sau đây:

7.1. Cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Công ty để tiêu huỷ.

7.2. Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

7.3. Thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Đối với chứng chỉ cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu Đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp chứng chỉ cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị huỷ hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới.

#### **Điều 11. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Công ty có thể phát hành chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) theo quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình nghị quyết của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.

#### **Điều 12. Chào bán cổ phần**

1. Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty thì phải thực hiện theo quy định sau đây:

1.1. Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của họ.

1.2. Thông báo phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại Công ty; tổng số cổ phần dự kiến phát hành và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Thời hạn xác định trong thông báo phải hợp lý đủ để cổ đông đăng ký mua được cổ phần. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua do Công ty phát hành.

1.3. Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác bằng việc có một văn bản xác nhận.

1.4. Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về Công ty đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì



số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội đồng quản trị quản lý. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông của Công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

2. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ trường hợp cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ hiện có của họ ở Công ty.

3. Cổ phần được coi là đã bán và người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công ty khi đã thanh toán đủ và những thông tin về người mua (gồm họ và tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy CMND, số lượng cổ phần, loại cổ phần, ngày đăng ký cổ phần đối với cổ đông là cá nhân; họ và tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy CMND của người đại diện theo pháp luật, người đại diện theo ủy quyền, số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, số lượng cổ phần, loại cổ phần, ngày đăng ký cổ phần đối với cổ đông là tổ chức) được ghi đúng, ghi đủ vào sổ Đăng ký cổ đông; Sau khi cổ phần được bán, Công ty phải phát hành và trao chứng chỉ cổ phiếu cho người mua.

4. Điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần ra công chúng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

### **Điều 13. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Các cổ phiếu không ghi danh được tự do chuyển nhượng ngoại trừ các cổ phiếu mua ưu đãi theo cam kết làm việc lâu dài tại Công ty. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng văn bản, giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện theo ủy quyền của họ ký. Trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nộp giấy chuyển nhượng cho Công ty, Công ty phải làm thủ tục chuyển nhượng và đăng ký điều chỉnh vào sổ đăng ký cổ đông và cấp lại chứng chỉ cổ phiếu (nếu ít nhất một bên có yêu cầu).

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và không được hưởng cổ tức.

3. Mười lăm (15) ngày trước khi tiến hành Đại hội đồng cổ đông không được chuyển nhượng cổ phần.

4. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những quy định sau đây:

4.1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần đã được chào bán trong mỗi chu kỳ mười hai tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

4.2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại điểm 5 Điều này.

4.3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng văn bản theo phương thức bảo đảm đến Công ty trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

5. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông:

5.1. Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình khi Công ty có sự thay đổi tổ chức hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông đã quy định tại Điều lệ này. Yêu cầu phải bằng

văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định thay đổi về các vấn đề được đề cập đến trong khoản này.

5.2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại mục 5.1 Điều này với giá thị trường trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp chưa có giá thị trường hoặc không thoả thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng. Mọi chi phí về việc định giá này do cổ đông thanh toán.

6. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị được quyền chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

#### **Điều 14. Thừa kế cổ phần**

1. Công ty tôn trọng quyền thừa kế của cổ đông. Cổ đông được thừa kế theo quy định của Bộ Luật Dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế cổ phần thì phải cử một (01) đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục công chứng thư. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế.

2. Người thừa kế hợp pháp của cổ đông sẽ đăng ký làm chủ sở hữu các cổ phần được thừa kế với Công ty và trở thành cổ đông của Công ty, được hưởng mọi quyền lợi và thực hiện nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế.

3. Cổ đông là tổ chức bị giải thể, sáp nhập, chia, tách hoặc phá sản thì quyền thừa kế liên quan đến cổ đông pháp nhân đó được giải quyết theo các qui định của pháp luật.

4. Trường hợp không xác định được người thừa kế hợp pháp sau 2 năm kể từ ngày cổ đông chết, cổ phần của họ sẽ được thu hồi và trở thành tài sản của Công ty. Cổ phần này được Công ty giữ làm cổ phần ngân quỹ và có thể được Hội đồng quản trị chào bán theo hình thức được Đại hội đồng cổ đông cho phép. Hội đồng quản trị quyết định giá trị của những cổ phần này theo giá thị trường.

#### **Điều 15. Cổ đông**

1. Cổ đông của Công ty cổ phần nước sạch Quảng Trị là những tổ chức hoặc cá nhân sở hữu ít nhất một (01) cổ phần của Công ty.

2. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông.

3. Cổ đông được công nhận chính thức khi đã đóng đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào sổ Đăng ký cổ đông lưu trữ tại Công ty.

4. Cổ đông nhà nước: Là Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là Người đại diện), là cá nhân được Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Trị (chủ sở hữu) ủy quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu tại doanh nghiệp.

Người đại diện được ủy quyền của chủ sở hữu nhà nước, có trách nhiệm tuân thủ pháp luật, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ của Công ty; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn mà Nhà nước đã góp vào doanh nghiệp; thực hiện đúng nhiệm vụ được chủ sở hữu nhà nước giao theo quy định hiện hành của Nhà nước; báo cáo kịp thời cho chủ sở hữu về việc doanh nghiệp hoạt động thua lỗ, không bảo đảm khả năng thanh toán, không hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ do chủ sở hữu giao hoặc những trường hợp sai phạm khác.

**Điều 16. Quyền của cổ đông phổ thông**

Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

1. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

1.1. Cổ đông được quyền tham dự và phát biểu, biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết. Cổ đông có thể trực tiếp hoặc ủy quyền cho Đại diện của mình tham gia Đại hội cổ đông.

1.2. Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

1.3. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông sở hữu.

1.4. Được Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác sau khi đã thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và của Luật doanh nghiệp.

1.5. Được xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.

1.6. Được xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

1.7. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty, nhưng chỉ sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ và các nghĩa vụ.

1.8. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều 10 của Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc một nhóm cổ đông sở hữu ít nhất (5) 10% tổng số cổ phần trong thời gian liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:

2.1. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các khoản 3, Điều 26 và khoản 3, Điều 41 Điều lệ này.

Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện như sau:

2.1.1. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

2.1.2. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2.2. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;

2.3. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

2.3.1. Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.

2.3.2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế.

2.3.3 Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2.4. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra các vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với

cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.

3. Các quyền khác theo Quy định của Pháp luật hiện hành và của Điều lệ này.

#### **Điều 17. Nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua trong thời hạn không quá ba mươi ngày, kể từ ngày đấu giá; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.

3. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ Công ty.

4. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

5.1. Vi phạm pháp luật.

5.2. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

5.3. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

6. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

7. Các nghĩa vụ khác của cổ đông theo quy định của pháp luật hiện hành.

#### **Điều 18. Sổ đăng ký cổ đông**

1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.

2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

2.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty;

2.2. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

2.3. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;

2.4. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;

2.5. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

Các nội dung khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.

4. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

**CHƯƠNG IV**

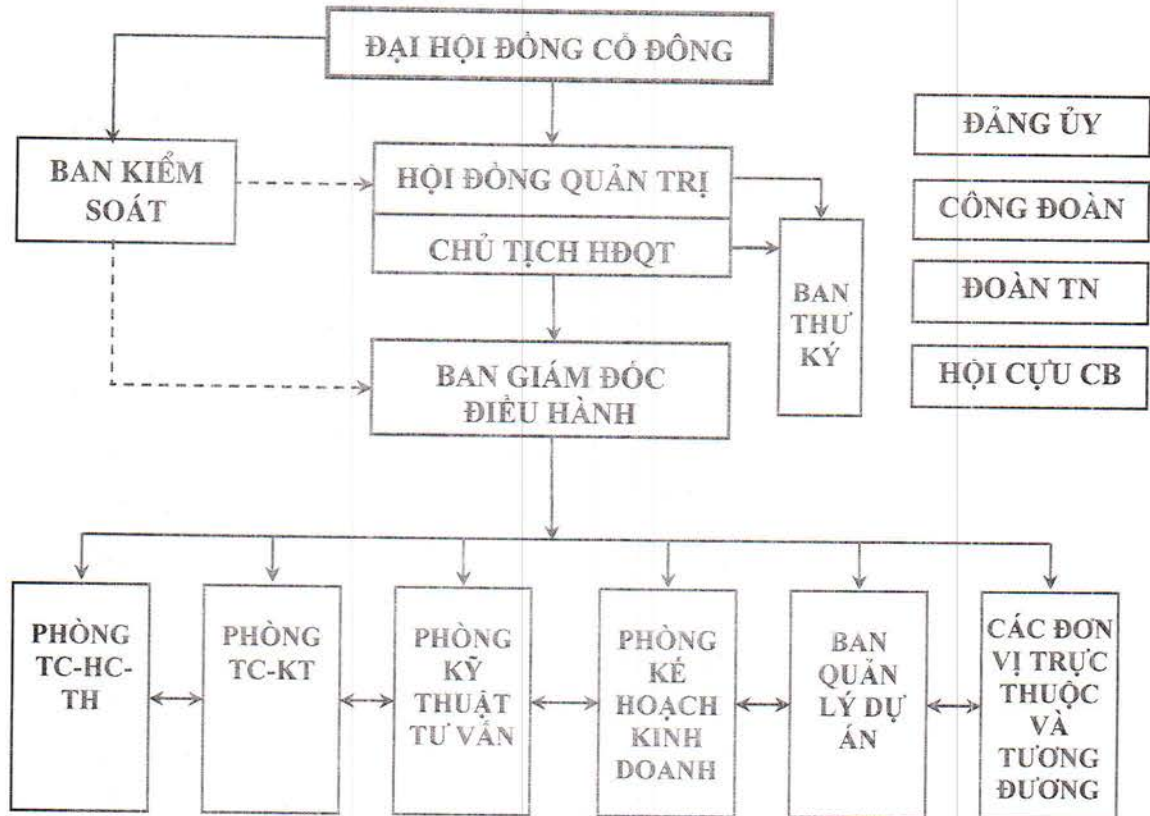
**CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ, KIỂM SOÁT VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**Điều 19. Cơ cấu, sơ đồ tổ chức quản lý**

1. Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

- 1.1. Đại hội đồng cổ đông.
- 1.2. Hội đồng quản trị.
- 1.3. Ban kiểm soát.
- 1.4. Giám đốc điều hành.

2. Sơ đồ tổ chức quản lý của Công ty:



**Chú thích:**

- Chỉ đạo trực tiếp: —————>
- Chỉ đạo chức năng: - - - - ->
- Quan hệ phối hợp: <----->

**Điều 20. Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.

Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải trên lãnh thổ Việt Nam.

1. Đại hội cổ đông thường niên:

1.1. Đại hội đồng cổ đông phải được tổ chức họp mỗi năm một lần (gọi là Đại hội đồng cổ đông thường niên), trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan Đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

1.2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp.

2. Đại hội đồng cổ đông bất thường:

2.1. Trường hợp có phát sinh những vấn đề bất thường ảnh hưởng đến tổ chức và hoạt động của Công ty. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

2.1.1. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2.1.2. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất đến 20%.

2.1.3. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn 50% số thành viên quy định trong Điều lệ này.

2.1.4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 16 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông. Khi yêu cầu triệu tập họp phải lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy CMND, Hộ chiếu hoặc chứng thực hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc quyết định vượt quá thẩm quyền.

2.1.5. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có chứng cứ khẳng định các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo quy định trong Điều lệ này hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.

2.1.6. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2.2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

2.2.1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Khoản 2.1.3 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 2.1.4 và 2.1.5 Điều này.

2.2.2. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 2.2.1 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

2.2.3. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 2.2.2 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông đã yêu cầu có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký doanh nghiệp giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

2.2.4. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

## **Điều 21. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng Cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:

1.1. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm.

1.2. Báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty.

1.3. Báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở Công ty.

1.4. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

1.5. Báo cáo của các Kiểm toán viên (nếu có).

- 1.6. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:
  - 2.1. Phê chuẩn các báo cáo tài chính hàng năm.
  - 2.2. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
  - 2.3. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.
  - 2.4. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc điều hành.
  - 2.5. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Báo cáo quyết toán tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
  - 2.6. Lựa chọn Công ty kiểm toán.
  - 2.7. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty.
  - 2.8. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần.
  - 2.9. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty.
  - 2.10. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý.
  - 2.11. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty.
  - 2.12. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
  - 2.13. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành.
  - 2.14. Công ty hoặc các đơn vị trực thuộc của Công ty được Công ty uỷ quyền ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 43 Điều lệ này với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
  - 2.15. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
  - 3.1. Các hợp đồng quy định tại mục 2.14 điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
  - 3.2. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 22. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông của Cổ đông và Đại diện được uỷ quyền**

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.
2. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
  - 2.1. Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp.
  - 2.2. Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông (là tổ chức) là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.
  - 2.3. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.

Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền cho Công ty ít nhất năm ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 điều 16 của Điều lệ này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

4.1. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.

4.2. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền.

4.3. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trong hai mươi bốn (24) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

**Điều 23. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại tiết 2.2.2 hoặc 2.2.3 Mục 2.2 Khoản 2 Điều 20 Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

2.1. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội trong vòng ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty.

2.2. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội.

2.3. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của các cổ đông.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất bảy (07) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Trường hợp Công ty có website, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 2 Điều 16 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều này trong các trường hợp sau:

5.1. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung.

5.2. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng.

5.3. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại



khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

7. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

**Điều 24. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng cổ đông cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, Đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp Đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số cổ đông cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội lần hai và trong trường hợp này Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

4. Theo đề nghị của Cổ đông quy định tại khoản 2 điều 16, Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 3 Điều 23 Điều lệ này.

**Điều 25. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông**

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được kiểm trước, số thẻ phản đối nghị quyết được kiểm sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó.

3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

4. Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu của Đại hội đồng cổ đông:

4.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ có chức vụ cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

4.2. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp điều khiển Đại hội đồng cổ đông để bầu chủ tọa và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

4.3. Chủ tọa cử một đến hai thư ký, người làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

4.4. Đại hội đồng cổ đông bầu Ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

6. Chủ tọa của Đại hội hoặc Thư ký Đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.

Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

**Điều 26. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

1. Trừ trường hợp quy định tại Mục 1.2 Khoản 1 của Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 80% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

1.1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề:

1.1.1. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;

1.1.2. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty

1.1.3. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc điều hành.

1.2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 30% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

1.3. Các quyết định được tất cả cổ đông trực tiếp và đại diện được ủy quyền tham dự tại Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình và thể thức tiến hành họp không đúng quy định hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

2. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2.1. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

2.1.1. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;

2.1.2. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;

- Mục đích lấy ý kiến;

- Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

- Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

- Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty;

2.1.3. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;

2.1.4. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh.

- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua quyết định.

- Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết.

- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

- Các quyết định đã được thông qua.

- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

2.1.5. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;

2.1.6. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;

2.1.7. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

4. Quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành đối với tất cả cổ đông, kể cả các cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến.

### **Điều 27. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải lập bằng tiếng Việt và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

1.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh.

1.2. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.

1.3. Chương trình và nội dung cuộc họp.

1.4. Chủ toạ và thư ký.

1.5. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

1.6. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng.

1.7. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

1.8. Các quyết định đã được thông qua.

1.9. Họ, tên, chữ ký của chủ toạ và thư ký.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả các cổ đông không làm việc tại Công ty. Đối với các cổ đông làm việc tại Công ty, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được công khai tại bảng tin của đơn vị trực thuộc chậm nhất năm (05) ngày kể từ ngày bế mạc cuộc họp và duy trì trong thời gian mười lăm (15) ngày. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

#### **Điều 28. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

#### **Điều 29. Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị (HĐQT) có ít nhất năm (05) thành viên và không quá bảy (07) thành viên, do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm bằng hình thức bỏ phiếu kín theo phương thức dồn phiếu. Thành viên Hội đồng quản trị trúng cử với số cổ phần từ cao xuống thấp tính theo số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông và đại diện ủy quyền dự họp. Hội đồng quản trị là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Công ty giữa hai kỳ họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị do các cổ đông đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của từng cổ đông. Các cổ đông được quyền gộp tỷ lệ sở hữu cổ phần vào với nhau để đề cử các thành viên Hội đồng quản trị.

3. Cổ đông sở hữu ít hơn 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 35% được đề cử hai (02) ứng viên; từ 35% đến dưới 50% được đề cử ba (03) ứng viên; từ 50% đến 65% được đề cử bốn (04) ứng viên và nếu trên 65% được đề cử số ứng viên bằng với số lượng của HĐQT.

Danh sách đề cử phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

5. Cơ quan thường trực của Hội đồng quản trị gồm Chủ tịch và một Ủy viên thường trực Hội đồng quản trị có nhiệm vụ giải quyết công việc hàng ngày.

6. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

6.1. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam; có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; có sức khỏe và phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật.

6.2. Là cổ đông được ủy quyền của tổ chức nhưng phải sở hữu tối thiểu 30.000 cổ phần có quyền biểu quyết trở lên; cổ đông chiến lược của Công ty.

6.3. Có trình độ đại học trở lên, có năng lực kinh doanh và quản trị doanh nghiệp. Ưu tiên người kinh nghiệm quản lý thuộc ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.

**Điều 30. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị**

1. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

3. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

4. Việc thay thế thành viên hội đồng quản trị cơ bản theo nguyên tắc kế thừa, đảm bảo việc thay thế các thành viên mới tại một thời điểm không vượt quá 50% tổng số thành viên của Hội đồng quản trị.

**Điều 31. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị**

1. Hoạt động kinh doanh và mọi công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm kiểm tra, giám sát Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ được phân công kiểm tra, giám sát từng lĩnh vực hoạt động của Giám đốc điều hành và bộ máy quản lý của Công ty.

4. Quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp hiện hành, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Các quyền và nhiệm vụ cụ thể của Hội đồng quản trị gồm:

4.1. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh hàng năm; Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

4.2. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại; Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng nhận về quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước; Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi.

4.3. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.

4.4. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty.

4.5. Quyết định mua lại cổ phần của Công ty được chào bán, nhưng không quá 10% số lượng cổ phần chào bán trong mỗi chu kỳ mười hai tháng.

4.6. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư có giá trị thấp hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

4.7. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị thấp hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại Khoản 1 Điều 43 Điều lệ này.

4.8. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, ký hợp đồng lao động và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với: Giám đốc điều hành, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty; Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Ban QLDA; Trưởng, phó các phòng ban; Giám đốc, phó Giám đốc các chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc; đại diện Công ty tại

các liên doanh; Trợ lý, Thư ký HĐQT, Thư ký Công ty; Phụ trách Kế toán, Tổ trưởng sản xuất các chi nhánh, xí nghiệp, đơn vị trực thuộc Công ty theo đề nghị của Giám đốc công ty.

4.9. Cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp của Công ty ở doanh nghiệp khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó.

4.10. Quyết định cơ cấu tổ chức; Ban hành định mức, quy chế quản lý nội bộ Công ty và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các định mức, quy chế đã ban hành; Quyết định thành lập Công ty con, liên doanh, lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.

4.11. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định.

4.12. Trình báo cáo tài chính hàng năm; Báo cáo về tình hình kinh doanh của Công ty; Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty lên Đại hội đồng cổ đông.

4.13. Kiến nghị mức cổ tức được trả hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

4.14. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty.

4.15. Giải quyết các khiếu nại đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan.

4.16. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

5. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

5.1. Thành lập Công ty con, liên doanh, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty.

5.2. Quyết định các Hợp đồng đầu tư, mua, bán, góp vốn liên doanh có giá trị nhỏ hơn 50% tổng tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất và Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng đó.

5.3. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại, liên doanh và Luật sư của Công ty.

5.4. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty có giá trị trên 5% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

5.5. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 5% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính.

5.6. Việc mua hoặc bán cổ phần của những Công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài.

5.7. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ.

5.8. Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần.

5.9. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

5.10. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.

6. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo tài chính hàng năm cho Đại hội đồng cổ đông thì báo cáo đó sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua, trừ khi luật pháp có quy định khác

7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị bằng một thoả thuận theo nguyên tắc nhất trí trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận

được. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

8. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

9. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình; các chuyến công tác, đối ngoại, hội thảo cần thiết do Hội đồng quản trị cử đi; bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

10. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hiện hành hoặc Điều lệ này gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

### **Điều 32. Chủ tịch, Ủy viên thường trực Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và có thể bầu một Ủy viên thường trực (trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác).

1.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm chức Giám đốc điều hành của Công ty.

1.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

1.3. Người giữ cương vị Chủ tịch Hội đồng quản trị tuổi đời không được quá tuổi nghỉ hưu theo quy định của Nhà nước.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau:

2.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập và chủ tọa phiên họp Đại hội đồng Cổ đông; chỉ đạo lập báo cáo tài chính hàng năm; Báo cáo về tình hình kinh doanh của Công ty; Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty lên Đại hội đồng cổ đông...

2.2. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; phân công các thành viên Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty.

2.3. Chuẩn bị hoặc chỉ đạo việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.

2.4. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị.

2.5. Kiểm tra, giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.

2.6. Phê duyệt các dự án đầu tư.

2.7. Đề nghị và ký phê duyệt quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, ký hợp đồng lao động và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với Giám đốc điều hành, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty sau khi đã được Hội đồng quản trị có nghị quyết nhất trí thông qua.

2.8. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, ký hợp đồng lao động và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Ban QLDA; Trưởng, phó các phòng ban; Giám đốc, phó Giám đốc các chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc; đại diện Công ty tại các liên doanh; Trợ lý, Thư ký HĐQT, Thư ký Công ty; Phụ trách Kế toán, Tổ trưởng sản xuất các chi nhánh, xí nghiệp, đơn vị trực thuộc Công ty theo đề nghị của Giám đốc công ty và đã được hội đồng quản trị nhất trí thông qua.

2.9. Xây dựng các quy chế đề trình Hội đồng quản trị thông qua: về tổ chức cán bộ; tổ chức bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh.

2.10. Phê duyệt tuyển dụng lao động trên cơ sở đề nghị của Giám đốc và được Hội đồng quản trị thông qua.

2.11. Có trách nhiệm thay mặt Hội đồng quản trị ký các văn bản, quyết định, quy định, thỏa thuận thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và đã được Hội đồng quản trị thông qua theo đúng quy định.

2.12. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho Ủy viên thường trực để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Ủy viên thường trực có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch HĐQT trong trường hợp được Chủ tịch HĐQT ủy quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trường hợp Chủ tịch HĐQT mất khả năng làm việc hoặc không ủy quyền cho một thành viên khác thay thế khi vắng mặt thì Ủy viên thường trực Hội đồng quản trị tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo chức danh Quyền Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Ủy viên thường trực Hội đồng quản trị có các nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

4.1. Thường trực, giải quyết các vấn đề phát sinh đến công việc hàng ngày của HĐQT.

4.2. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp của HĐQT.

4.3. Tư vấn cho Hội đồng quản trị về thủ tục pháp lý của các cuộc họp.

4.4. Tư vấn cho Chủ tịch HĐQT về các vấn đề tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định của Pháp luật.

4.5. Tham mưu cho Chủ tịch Hội đồng quản trị trong giải quyết khiếu nại, tranh chấp liên quan đến các hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định của Pháp luật.

4.6. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo phân công của Chủ tịch HĐQT hoặc Hội đồng quản trị.

4.7. Hướng dẫn Thư ký lập biên bản các cuộc họp Hội đồng quản trị.

4.8. Chủ tọa các cuộc họp theo phân công của Chủ tịch HĐQT hoặc Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp cả Chủ tịch và Ủy viên thường trực HĐQT từ chức hoặc bị bãi nhiệm thì Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

### **Điều 33. Các cuộc họp Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch HĐQT thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch HĐQT và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (03) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.

3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

3.1. Giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác.

3.2. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị.

3.3. Đa số thành viên Ban kiểm soát.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp



nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo và chương trình họp.

Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bu-rơ điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

8. Số thành viên tham dự tối thiểu.

Cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất năm (05) thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế.

9. Biểu quyết.

9.1. Trừ quy định tại mục 9.2 dưới đây, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một (01) phiếu biểu quyết.

9.2. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Số thành viên Hội đồng quản trị này sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

10. Công khai lợi ích.

Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Biểu quyết đa số.

Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch HĐQT sẽ là lá phiếu quyết định.

12. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác.

Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

12.1. Nghe các thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp.

12.2. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác nghe một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành

viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp có mặt.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định lại bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Thông qua Nghị quyết bằng văn bản.

Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:

13.1. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

13.2. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên HĐQT.

14. Biên bản họp Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyên biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.

#### **Điều 34. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc điều hành công ty và những người quản lý điều hành trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị, bộ phận mình phụ trách.

2. Người quản lý điều hành được yêu cầu phải cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

#### **Điều 35. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

1.1. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị.

1.2. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty.

1.3. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi.

1.4. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống.

1.5. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

1.6. Thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các công việc không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ này, có thu nhập mà không chấp hành sự thu hồi của Công ty.

1.7. Thành viên là cổ đông được ủy quyền của tổ chức nhưng không được tổ chức đó ủy quyền nữa hoặc đến tuổi nghỉ hưu theo quy định của Pháp luật.

1.8. Thành viên sở hữu ít hơn 5% vốn điều lệ đến tuổi nghỉ hưu theo quy định của Pháp luật.

2. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

Trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm còn ít hơn 50% so với quy định tại Điều lệ này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá 60 ngày để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

**Điều 36. Tổ chức bộ máy quản lý**

1. Bộ máy quản lý của Công ty gồm:

1.1. Ban điều hành Công ty gồm: Giám đốc và các Phó giám đốc;

1.2. Kế toán trưởng;

1.3. Các phòng, ban chức năng Công ty;

1.4. Các chi nhánh, xí nghiệp, văn phòng đại diện và tương đương.

2. Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Giám đốc, các Phó Giám đốc và một Kế toán trưởng. Giám đốc, các Phó Giám đốc và Kế toán trưởng có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức. Số lượng các Phó giám đốc; lãnh đạo các phòng, ban chức năng; lãnh đạo các chi nhánh, xí nghiệp... do Hội đồng quản trị quyết định

**Điều 37. Giám đốc điều hành công ty.**

1. Giám đốc điều hành công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm trong số các thành viên HĐQT hoặc ký hợp đồng thuê.

2. Nhiệm kỳ.

Nhiệm kỳ của Giám đốc điều hành là 5 năm và không kéo dài quá tuổi nghỉ hưu theo quy định của Pháp luật hoặc theo thời gian ghi trong hợp đồng.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc điều hành công ty.

Giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

3.1. Giám đốc điều hành không là những người: bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho Công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.

3.2. Có trình độ đại học trở lên, có năng lực chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị doanh nghiệp hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.

3.3. Có sức khoẻ và phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết.

3.4. Giám đốc công ty không được đồng thời làm Tổng Giám đốc/Giám đốc điều hành của doanh nghiệp khác.

3.5. Tuổi đời không được quá tuổi nghỉ hưu theo quy định của Pháp luật.

4. Quyền hạn và nhiệm vụ của Giám đốc điều hành.

Giám đốc điều hành có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

4.1. Giám đốc là người điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo mục tiêu, kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua.

4.2. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

4.3. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các giao dịch, hợp đồng tài chính và thương mại trong phạm vi kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm có giá trị nhỏ hơn hai trăm triệu đồng (200.000.000 VNĐ);

tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo quy chế quản lý nội bộ và những thông lệ quản lý tốt nhất.

4.4. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt nhất và tư vấn, đề xuất để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động của các cán bộ quản lý.

Lấy ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ.

4.5. Đề xuất những biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý của Công ty;

4.6. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

4.7. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt: Các định mức kinh tế kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, đơn giá tiền lương, thưởng và các quy chế nội bộ. Kiểm tra các đơn vị trực thuộc thực hiện các định mức, tiêu chuẩn, đơn giá, các quy định trong nội bộ của Công ty;

3. Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng các quy chế để trình Hội đồng quản trị thông qua: Quy chế tuyển dụng lao động; tổ chức bộ máy sản xuất kinh doanh; trả lương theo mức độ hoàn thành công việc; thực hiện dân chủ; thỏa ước lao động tập thể; chi tiêu nội bộ; kỷ luật, sa thải; thi đua khen thưởng...v/v đối với người lao động và người quản lý.

4.8. Đề nghị Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ và các quyền lợi khác đối với Trưởng, phó các phòng ban; Giám đốc, phó Giám đốc, Kế toán trưởng Ban QLDA, thư ký Công ty, Trợ lý Chủ tịch HĐQT, Thư ký HĐQT, Phụ trách Kế toán các chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc, và các chức danh khác theo quy định của Điều lệ này.

4.9. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, ký hợp đồng lao động, quyết định mức lương, cho nghỉ chế độ và quyền lợi khác đối với người lao động và cán bộ quản lý trong Công ty thuộc thẩm quyền và được sự phê chuẩn của Hội đồng quản trị.

4.10. Đề xuất Hội đồng quản trị việc tuyển dụng lao động trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh và đảm bảo tiêu chuẩn theo Quy chế của Công ty.

4.11. Vào tháng 12 hàng năm, Giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm.

4.12. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Giám đốc điều hành và pháp luật hiện hành.

4.13. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông:

Giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

4.14. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền hạn, nhiệm vụ được giao trên cơ sở các quy định hiện hành của Nhà nước.

4.15. Khi Công ty không có khả năng thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn thì Giám đốc không được tăng lương, không được trả tiền thưởng cho nhân viên của Công ty, kể cả cho người quản lý và phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ.

5. Thay mặt Hội đồng quản trị quản lý toàn bộ tài sản của Công ty.

6. Đại diện Công ty trong việc khởi kiện các vụ án liên quan đến quyền lợi và để bảo đảm các quyền lợi trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

7. Tổng Giám đốc điều hành bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

7.1. Báo cáo không trung thực tình hình tài chính của Công ty hai lần trở lên hoặc một lần nhưng làm sai lệch nghiêm trọng tình hình tài chính của Công ty.

7.2. Đề Công ty thua lỗ hoặc không đạt chỉ tiêu cổ tức tối thiểu theo mức do Đại hội đồng cổ đông quyết định; Trừ trường hợp đầu tư các dự án lớn hoặc Nhà nước quyết định giá bán nước sạch thấp hơn giá đã được tính đúng tính đủ theo quy định dẫn đến việc không đạt chỉ tiêu cổ tức.

7.3. Không tổ chức xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm để trình Hội đồng quản trị ban hành, làm cơ sở để quản trị, điều hành Công ty.

7.4. Không thực hiện đúng, đầy đủ các nhiệm vụ trong hợp đồng lao động ký với Hội đồng quản trị.

7.5. Vi phạm pháp luật bị truy cứu trách nhiệm; tham nhũng tài sản Công ty hoặc thiếu trách nhiệm, gây hậu quả nghiêm trọng cho Công ty.

7.6. Khi tuổi đời đến tuổi nghỉ hưu theo quy định của Pháp luật.

7.7. Ngoại trừ trường hợp 7.6, quyết định miễn nhiệm Giám đốc điều hành được thông qua khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (không tính biểu quyết của Giám đốc điều hành là thành viên của HĐQT) và Hội đồng quản trị phải đưa ra lý do miễn nhiệm. Giám đốc điều hành bị miễn nhiệm có quyền phản đối việc miễn nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất. Trong trường hợp Giám đốc bị miễn nhiệm, HĐQT phải công bố bằng văn bản về việc này và đề cử người tạm thay thế. Trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày công bố, HĐQT phải tiến hành các thủ tục đề bổ nhiệm Giám đốc mới.

### **Điều 38. Cán bộ quản lý**

1. Theo đề nghị của Giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty do Hội đồng quản trị, Chủ tịch HĐQT bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý gồm:

1.1. Cán bộ quản lý cao cấp: Giám đốc, Phó Giám đốc, Giám đốc Ban quản lý dự án và Kế toán trưởng công ty.

1.2. Cán bộ quản lý khác: Trưởng các phòng, ban, Giám đốc các xí nghiệp/chi nhánh; trưởng Văn phòng đại diện và tương đương. Phó các phòng, ban; Phó Giám đốc Ban quản lý dự án; Phó Giám đốc các xí nghiệp/chi nhánh, Kế toán trưởng Ban quản lý dự án, Trợ lý Chủ tịch HĐQT.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các khoản thu nhập khác của Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác do Hội đồng quản trị quyết định hoặc được quy định trong các quy chế quản lý nội bộ của Công ty do Hội đồng quản trị quyết định ban hành.

### **Điều 39. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty**

1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn 06 tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc trong các trường hợp sau đây:

1.1. Vi phạm nghĩa vụ người quản lý công ty theo quy định tại Điều 160 của Luật doanh nghiệp;

1.2. Không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời nghị quyết của Hội đồng quản trị;

1.3. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hoặc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

1.4. Sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

1.5. Sử dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

1.6. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh công ty sẽ tính vào chi phí của công ty, trừ trường hợp thành viên khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện.

**Điều 40. Ban thư ký Công ty**

Hội đồng quản trị chỉ định một (01) ban thư ký (từ 1 đến 3 người) làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị, trong trường hợp lớn hơn một (01) người thì có một (01) người làm trưởng ban thư ký.

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định của pháp luật hiện hành về lao động.

Nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

1. Đầu mối chuẩn bị nội dung các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Làm biên bản các cuộc họp.

3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.

4. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát khi có ý kiến đồng ý của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

5. Thực hiện những nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị quy định nhằm phục vụ công tác quản lý và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Không được phép cung cấp bất kỳ thông tin, tài liệu nào khi chưa được phép của HĐQT hoặc Chủ tịch HĐQT.

**Điều 41. Trách nhiệm cẩn trọng, trung thực và phòng ngừa các xung đột về quyền lợi của Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý trong công ty.**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý được ủy thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý phải trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không sử dụng bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.

4. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

5. Người quản lý Công ty không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

**Điều 42. Công khai các lợi ích liên quan**

1. Người quản lý Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty, bao gồm:

1.1. Thông tin chính của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ, số lượng, giá trị và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.

1.2. Thông tin chính của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp trên 25% vốn điều lệ.

2. Người quản lý Công ty được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi biết rằng mình sẽ có lợi ích.

3. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Công ty trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

4. Việc kê khai, công khai quy định tại khoản 1,2,3 Điều này phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc điều hành có quyền xem xét nội dung kê khai, công khai bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

#### **Điều 43. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận**

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:

1.1. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ.

1.2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành.

1.3. Doanh nghiệp mà trong đó, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành có tỷ lệ cổ phần/vốn góp từ 25% vốn điều lệ trở lên.

1.4. Các hợp đồng và giao dịch có giá trị lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.

Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện ít nhất 80% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị; niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của Công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày niêm yết.

3. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này. Người đại diện theo pháp luật của Công ty, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc điều hành có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ hợp đồng, giao dịch đó.

**Điều 44. Ban Kiểm soát**

1. Ban kiểm soát (BKS) là một tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty, chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Đại hội đồng cổ đông.

2. Ban Kiểm soát có 3 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát cùng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Cổ đông nắm giữ ít hơn 30% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến 40% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một (01) ứng viên; từ trên 40% đến 50% được đề cử hai (02) ứng viên và nếu nắm giữ trên 50% được đề cử số ứng viên bằng với số lượng của BKS.

4. Các Thành viên Ban Kiểm soát bầu một người trong số họ làm trưởng Ban Kiểm soát.

Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

4.1. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát.

4.2. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát.

4.3. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

5. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát.

Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

5.1. Là cổ đông của Công ty.

5.2. Từ đủ 25 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

5.3. Có trình độ đại học trở lên, có năng lực chuyên môn và kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực hoạt động của Công ty. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp. Thành viên này không đồng thời là Kế toán trưởng công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

5.4. Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, con rể, con dâu, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác.

**Điều 45. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát thực hiện việc giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng.

5. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.



Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

6. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty, quy định của Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản tới Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

8. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

9. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

10. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

11. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.

12. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát sẽ không vượt quá mức lương bình quân của người lao động trong Công ty mỗi năm. Mức thù lao có thể cao hơn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

#### **Điều 46. Nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát**

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 1,2 và 3 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.

Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản này đều thuộc sở hữu của Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

#### **Điều 47. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát**

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

2. Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị.

3. Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

4. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.

5. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

**Điều 48. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Ban kiểm soát**

Thành viên Ban kiểm soát sẽ bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

1. Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên ban kiểm soát theo quy định tại Khoản 5 Điều 44 của Điều lệ này.

2. Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

3. Có đơn xin từ chức.

4. Thành viên Ban kiểm soát có thể bị miễn nhiệm bất cứ lúc nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu vi phạm các quy định về nghĩa vụ của thành viên ban kiểm soát.

5. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.

6. Đến tuổi nghỉ hưu theo quy định của Pháp luật.

**CHƯƠNG V**  
**LAO ĐỘNG**

**Điều 49. Quyền của người lao động trong Công ty**

1. Người lao động trong Công ty được hưởng các quyền lợi theo quy định của Bộ Luật Lao động và các quy định pháp luật hiện hành khác.
2. Người lao động có quyền giám sát Công ty thông qua các hình thức và tổ chức sau:
  - 2.1. Hội nghị người lao động của Công ty.
  - 2.2. Tổ chức Công đoàn của Công ty.
  - 2.3. Thông qua việc phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.
3. Người lao động thông qua người Đại diện của người lao động (tổ chức công đoàn) có quyền tham gia thảo luận góp ý kiến trước khi Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc Công ty ra quyết định các vấn đề sau:
  - 3.1. Phương hướng nhiệm vụ, kế hoạch, các giải pháp sắp xếp, tổ chức lại để phát triển sản xuất kinh doanh; sắp xếp và bố trí lại lao động trong Công ty.
  - 3.2. Phương án phân phối lợi nhuận sau khi thực hiện nghĩa vụ ngân sách với nhà nước, phương án phân phối tiền lương, tiền thưởng, các quyền và lợi ích hợp pháp khác.
  - 3.3. Các nội quy, quy chế của doanh nghiệp liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động.
  - 3.4. Các biện pháp bảo hộ lao động, cải thiện điều kiện làm việc, đời sống vật chất và tinh thần, vệ sinh môi trường, đào tạo và đào tạo lại người lao động của Công ty.
  - 3.5. Nâng lương, ngạch, khen thưởng, kỷ luật cán bộ, viên chức và người lao động trong Công ty.
  - 3.6. Giải quyết đơn, thư khiếu nại của người lao động trong Công ty.
4. Các quyền và trách nhiệm khác:
  - 4.1. Ký kết hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật về lao động.
  - 4.2. Thông qua nội dung Thỏa ước lao động tập thể; các nội dung sửa đổi, bổ sung Thỏa ước lao động tập thể để Đại diện Ban Chấp hành Công đoàn ký kết với Giám đốc Công ty.
  - 4.3. Thông qua Nghị quyết Hội nghị người lao động.
  - 4.4. Các quyền khác theo quy định của Pháp luật.
5. Công ty đảm bảo các quyền và nghĩa vụ hợp pháp của người lao động theo quy định của pháp luật. Công ty sử dụng hệ thống thang, bảng lương trong Công ty nhà nước hoặc xây dựng hệ thống thang, bảng lương của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật làm cơ sở trả lương, trả công cho người lao động. Cơ chế trả lương, trả công của Công ty phải đảm bảo nguyên tắc tương xứng với tính chất, mức độ phức tạp của công việc và gắn với kết quả hoàn thành công việc.

**Điều 50. Nghĩa vụ của người lao động**

1. Người lao động có nghĩa vụ thực hiện đúng nội dung hợp đồng lao động đã ký với Công ty; Thỏa ước lao động tập thể, chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước; nội quy, quy chế của Công ty.
2. Người lao động phải thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề để hoàn thành công việc được giao;
3. Thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật hiện hành.

**CHƯƠNG VI**  
**KẾ TOÁN TÀI CHÍNH CÔNG TY**

**Điều 51. Năm tài khóa**

Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (giấy phép kinh doanh) đó.

**Điều 52. Hệ thống kế toán**

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

**Điều 53. Trích lập các quỹ**

1. Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.
2. Việc trích tỷ lệ % cho các quỹ khen thưởng, phúc lợi, phát triển sản xuất do HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm.

**Điều 54. Báo cáo hàng năm**

1. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Báo cáo tài chính hàng năm được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán độc lập hoạt động hợp pháp tại Việt Nam do Hội đồng quản trị lựa chọn.
4. Các báo cáo và tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất ba mươi ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 55. Trả cổ tức**

1. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty cổ phần chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ của Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, cổ tức sẽ được công bố và chi trả trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị.
3. Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

4. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức cho cổ đông.
5. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty hoặc bằng tài sản khác theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú của cổ đông.  
Khi trả cổ tức bằng các dịch vụ tín dụng theo yêu cầu của cổ đông mà cổ đông đó không nhận được tiền do lỗi thông tin do cổ đông đó cung cấp, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền đã chuyển.
6. Hội đồng quản trị có thể quy định một ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công ty cụ thể. Căn cứ theo ngày đó, những người có tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
7. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả, thời hạn và hình thức trả, chậm nhất ba mươi ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất mười lăm ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Công ty; họ, tên, địa chỉ, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của cổ đông; mức cổ tức và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức.
8. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

**CHƯƠNG VII**  
**GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

**Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các Luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

1.1. Cổ đông với Công ty.

1.2. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý cao cấp.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 60 ngày từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà án phán quyết.

## **CHƯƠNG VIII** **CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC**

### **Điều 57. Tiếp nhận và công bố thông tin**

1. Công ty phải gửi báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông không làm việc tại Công ty và thông báo cho các cổ đông đang làm việc tại Công ty qua các đơn vị trực thuộc và đồng thời công bố trên bảng tin của các đơn vị trực thuộc.

2. Mọi tổ chức, cá nhân đều có quyền xem hoặc sao chép báo cáo tài chính hàng năm của Công ty tại cơ quan đăng ký kinh doanh.

3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát phải thiết lập kênh tiếp nhận thông tin phản ánh của cổ đông về tình hình hoạt động của Công ty. Tại văn phòng Công ty phải có hộp thư của Hội đồng quản trị và hộp thư của Ban kiểm soát để tiếp nhận thông tin của cổ đông bất kỳ thời điểm nào các cổ đông cho là cần thiết phải có ý kiến với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

### **Điều 58. Kế thừa**

Công ty kế thừa toàn bộ các quyền và nghĩa vụ hợp pháp trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng được bàn giao từ Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị.

### **Điều 59. Giải thể, phá sản Công ty**

Việc giải thể, phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật có liên quan khác.

### **Điều 60. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải xuất phát từ lợi ích của Công ty và sự phù hợp về luật pháp hiện hành và phải do Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Mọi cổ đông đều có quyền đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều lệ và Hội đồng quản trị phải tổng hợp những đề xuất mang lại hiệu quả, phương thức quản lý tiến bộ hoặc các lợi ích khác làm Công ty phát triển bền vững để trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty, những quy định trong Điều lệ này trái với quy định mới của pháp luật thì đương nhiên bị vô hiệu.

### **Điều 61. Ngày hiệu lực**

Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được Cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

### **Điều 62. Điều khoản cuối cùng**

1. Bản điều lệ này gồm VIII chương 62 điều, được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần nước sạch Quảng Trị nhất trí thông qua ngày.... tháng..... năm 2015 cùng chấp thuận toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:

- 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương nơi có trụ sở chính của Công ty.
- 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị.
- 04 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty.

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức điều chỉnh mọi hoạt động của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu bốn (04) thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị./.

**Người đại diện theo pháp luật của Công ty**  
*(Ký và ghi rõ họ, tên)*